

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Lực cầu bắt đáy tốt trong vùng 1,490 – 1,500 giúp chỉ số hồi phục trong ngày hôm nay, kết phiên tại 1,507.63 điểm, tăng hơn 14 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 14/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Ô tô & phụ tùng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này quay lại mua ròng hơn 1 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Với dòng tiền bắt đáy quanh 1,500 khá tốt, VN-Index có thể tạo nền ngắn hạn tại đây trong những phiên tới để lấy đà hồi phục trở lại.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2509.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 30/07/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+14.22** điểm, đóng cửa tại **1507.63** điểm. HNX-Index **+6.15** điểm, đóng cửa tại **261.51** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPB (+3.24)**, **CTG (+3.15)**, **BID (+1.16)**, **SHB (+1.06)**, **TCB (+1.00)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-3.21)**, **VHM (-0.57)**, **SSB (-0.41)**, **EIB (-0.29)**, **VPL (-0.29)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **41,292** tỷ đồng, giảm **-38.84%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 42,651 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 29.7 điểm. Thị trường có **223** mã tăng, 39 mã tham chiếu, **111** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **1498.07** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FUEVFNVD (619.30 tỷ)**, **SHB (170.16 tỷ)**, **VIX (122.16 tỷ)**, **VNM (114.73 tỷ)**, **CTG (102.04 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **108.40** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.72%**. Các mã diễn biến tích cực:
VPB (+6.99%) [\(Link báo cáo\)](#)
CTG (+5.48%) [\(Link báo cáo\)](#)
HSG (+5.00%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.76%**. Các mã diễn biến tích cực:
MBS (+7.99%)
GEX (+6.95%) [\(Link báo cáo\)](#)
VGC (+6.67%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.72%	0.76%	0.95%	0.59%
1 tuần	-2.09%	0.76%	-0.31%	-1.34%
1 tháng	5.11%	10.98%	9.56%	10.37%
3 tháng	22.14%	26.60%	22.94%	24.51%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,507.63	261.51	105.11
% 1D	0.95%	2.41%	-0.91%
GTKL (tỷ VND)	41,292	3,731	976
%1D	-38.84%	-43.41%	-54.97%
GDNN (tỷ VND)	1498.07	108.40	-5.64

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFNVD	619.30	SSI	-241.98
SHB	170.16	FPT	-116.51
VIX	122.16	VCI	-87.79
VNM	114.73	VCB	-80.43
CTG	102.04	E1VFN30	-41.40

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

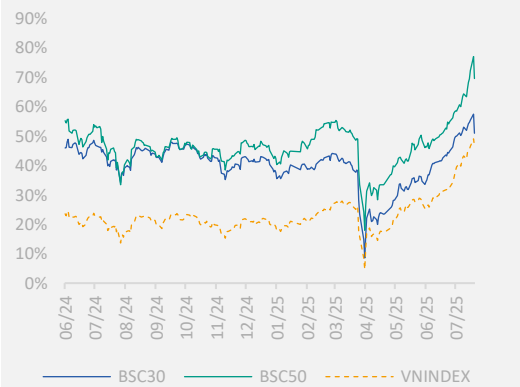
		%D	%W
SPX	6,371	-0.30%	0.97%
FTSE100	9,117	-0.21%	0.61%
Eurostoxx	5,382	0.05%	0.73%
Shanghai	3,616	0.17%	0.93%
Nikkei	40,655	-0.05%	-1.27%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	72.32	0.76%
Giá vàng	3,331	0.16%
Tỷ giá		
USD/VND	26,400	0.00%
EUR/VND	31,094	-0.29%
JPY/VND	181	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.4%	0.01%
LS LNH 1M	5.3%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	25.25	6.99%	3.24	7.93
CTG	46.20	5.48%	3.15	5.37
BID	38.10	1.87%	1.16	7.02
SHB	16.10	6.98%	1.06	4.07
TCB	34.50	1.77%	1.00	7.06

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	21.70	9.60%	1.21	0.89
MBS	36.50	7.99%	1.08	0.57
BAB	13.80	4.55%	0.39	0.96
CEO	23.60	4.42%	0.37	0.54
NVB	14.70	2.80%	0.31	1.17

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	25.25	6.99%	3.20	86.08
PET	35.20	6.99%	0.06	2.53
BBC	88.80	6.99%	0.03	0.00
SJS	66.50	6.98%	0.12	0.05
SHB	16.10	6.98%	1.04	142.58

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PSD	14.40	9.92%	0.28	1.01
SJE	22.30	9.85%	0.35	0.10
DTD	19.10	9.77%	0.46	1.41
API	9.00	9.76%	0.28	2.43
VFS	21.40	9.74%	1.01	3.71

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	109.50	-3.27%	-3.21	3.88
VHM	91.50	-0.65%	-0.57	4.11
SSB	19.25	-3.27%	-0.41	2.85
EIB	26.60	-2.56%	-0.29	1.86
VPL	85.30	-0.81%	-0.29	1.79

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	62.70	-3.98%	-0.49	0.30
HUT	16.50	-2.94%	-0.28	0.89
IDC	44.30	-0.89%	-0.08	0.33
NFC	57.60	-7.25%	-0.04	0.02
GMA	55.50	-4.48%	-0.03	0.02

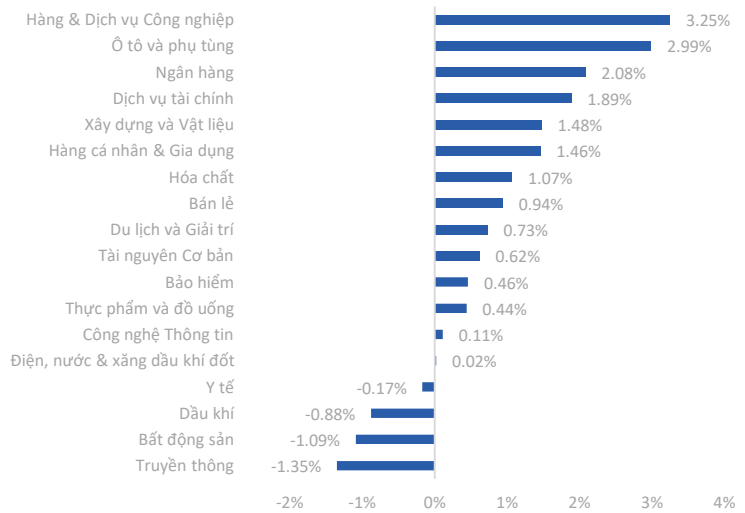
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HU1	6.24	-6.87%	0.00	0.00
DC4	12.90	-6.52%	-0.02	4.61
STG	34.30	-6.28%	-0.05	0.00
DXS	10.55	-4.52%	-0.06	9.32
PTL	3.15	-3.96%	0.00	0.17

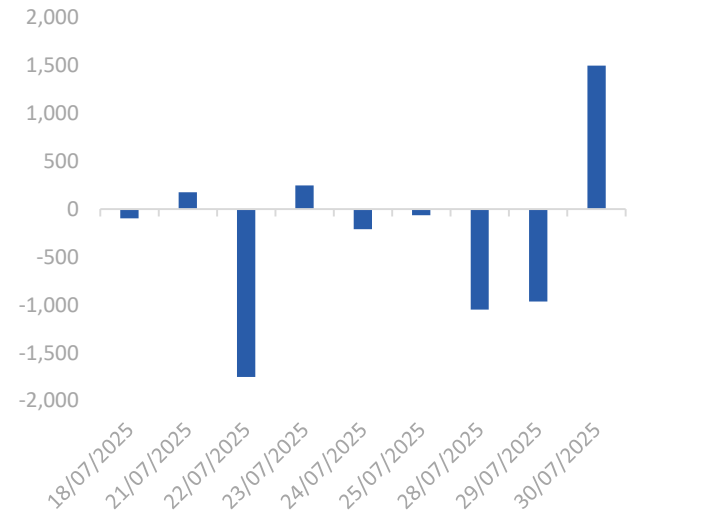
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VC9	3.90	-9.30%	-0.02	0.12
ADC	18.20	-9.00%	-0.02	0.00
VDL	8.10	-8.99%	-0.04	0.00
PHN	62.00	-8.82%	-0.15	0.00
SFN	18.20	-8.54%	-0.02	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	67.1	0.8%	1.4	98,465	954.7	2,974	22.4		48.9%	
KBC	Bất động sản	29.7	2.2%	1.7	27,311	250.4	1,593	18.2		15.4%	
KDH	Bất động sản	27.6	0.4%	1.2	30,587	105.7	812	33.9		33.9%	
PDR	Bất động sản	20.8	0.5%	1.6	18,734	397.1	179	115.4	23,600	9.6%	Link
VHM	Bất động sản	91.5	-0.7%	1.0	378,293	473.7	7,766	11.9	81,300	10.5%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	106.1	0.1%	1.1	180,572	800.4	5,092	20.8	136,500	40.7%	Link
BSR	Dầu khí	19.7	-1.3%	0.0	61,700	257.2	(37)	(541)		0.3%	
PVS	Dầu khí	35.1	2.6%	1.4	16,346	337.7	2,303	14.9	38,600	12.4%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.6	1.4%	1.6	27,269	434.8	1,167	21.6		38.8%	
SSI	Dịch vụ tài chính	33.9	1.8%	1.6	65,663	2096.2	1,544	21.6		42.0%	
VCI	Dịch vụ tài chính	41.9	0.1%	1.6	30,241	723.8	1,370	30.6		29.4%	
DCM	Hóa chất	36.4	1.3%	1.4	19,005	254.0	3,221	11.2	37,800	5.1%	Link
DGC	Hóa chất	103.9	2.4%	1.2	38,548	287.1	8,205	12.4	109,300	14.9%	Link
ACB	Ngân hàng	23.0	1.1%	0.7	116,859	384.9	3,305	6.9	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	38.1	1.9%	0.8	262,599	366.4	3,643	10.3	47,000	17.5%	Link
CTG	Ngân hàng	46.2	5.5%	1.0	235,206	1023.8	4,806	9.1	50,000	27.2%	Link
HDB	Ngân hàng	26.7	0.6%	1.1	92,619	557.8	3,985	6.7	26,400	17.5%	Link
MBB	Ngân hàng	27.4	2.1%	0.9	163,846	940.0	4,049	6.6	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	14.0	1.5%	1.1	35,880	328.1	2,150	6.4	14,000	28.2%	Link
STB	Ngân hàng	49.3	2.7%	1.0	90,490	935.2	5,767	8.3		20.0%	
TCB	Ngân hàng	34.5	1.8%	1.2	239,498	1155.7	3,019	11.2	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	15.9	3.9%	0.9	40,422	451.8	2,383	6.4	-	24.4%	Link
VCB	Ngân hàng	60.9	-0.2%	0.6	509,696	452.1	4,063	15.0	69,200	22.0%	Link
VIB	Ngân hàng	19.4	4.3%	1.1	63,144	724.3	2,219	8.4	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	25.3	7.0%	1.1	187,241	2100.9	2,193	10.8	26,500	25.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.4	0.2%	1.1	194,573	1314.4	1,628	15.6	35,800	22.2%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.9	5.0%	1.6	11,178	352.9	752	23.9	16,800	9.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	34.2	2.1%	1.2	11,195	422.2	4,752	7.0	32,200	6.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	73.0	1.1%	1.5	103,849	704.4	1,862	38.8	82,500	25.5%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	62.9	-0.5%	0.7	132,085	384.1	4,194	15.1	64,500	49.0%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.0	-0.58%	1.5	9,479	136.4	2,098	20.6	26.5%		Link
FRT	Bán lẻ	154.7	1.18%	1.0	26,039	128.2	2,623	58.3	33.5%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	49.6	-0.10%	0.9	36,819	27.5	2,975	16.7	27.3%		
DIG	Bất động sản	22.1	1.61%	1.5	14,028	660.7	303	71.6	4.7%	1.5%	
DXG	Bất động sản	19.3	-1.03%	1.6	19,868	668.6	310	63.0	25.7%		Link
HDC	Bất động sản	32.7	1.08%	1.2	5,770	285.6	482	67.2	4.7%	3.8%	
HDG	Bất động sản	26.9	-0.56%	1.4	9,989	180.1	762	35.4	17.3%		Link
IDC	Bất động sản	44.3	-0.89%	1.1	14,751	132.0	4,982	9.0	18.9%	27.3%	
NLG	Bất động sản	41.5	4.40%	1.2	15,307	163.7	1,709	23.3	48.1%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	65.2	-1.06%	1.5	15,955	35.7	5,282	12.5	4.0%		
SZC	Bất động sản	36.2	-0.96%	1.4	6,569	97.5	1,978	18.5	2.7%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	23.8	-3.25%	1.4	16,438	386.9	1,280	19.2	12.2%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	109.5	-3.27%	1.1	432,838	484.5	2,823	40.1	6.8%		
VRE	Bất động sản	28.1	0.36%	1.2	63,625	172.7	1,844	15.2	18.4%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	39.5	-0.63%	0.9	8,389	71.8	1,650	24.1	36.6%		Link
PLX	Dầu khí	36.3	-0.55%	0.9	46,377	113.1	1,535	23.8	17.0%		Link
PVD	Dầu khí	21.2	-0.24%	1.4	11,785	139.2	1,246	17.0	4.1%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	40.9	-0.49%	1.7	14,224	307.4	1,348	30.5	27.5%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	36.5	7.99%	1.8	19,360	395.9	1,554	21.8	6.2%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.9	-0.15%	0.8	159,302	61.5	4,543	15.0	1.8%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.5	-0.34%	0.9	34,074	262.2	546	26.6	3.4%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.3	0.75%	0.9	36,183	70.8	3,922	17.0	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	118.7	0.34%	0.7	69,988	268.1	2,750	43.0	7.9%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.9	6.95%	1.7	48,008	855.6	1,745	30.5	8.2%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.5	2.13%	1.1	23,657	122.4	3,765	15.0	39.5%	12.0%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	73.5	3.52%	1.3	9,223	319.4	5,594	12.7	4.4%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.1	-0.28%	1.1	8,506	65.1	2,293	7.9	9.2%	13.9%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	114.0	0.00%	0.0	13,883	90.1	3,235	35.2	5.4%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	85.5	1.42%	0.9	28,485	145.8	6,129	13.8	49.0%	18.2%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	32.8	6.15%	0.9	3,462	92.7	2,608	11.9	50.0%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.4	0.49%	1.2	2,489	35.8	2,844	7.1	16.8%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	41.5	4.80%	1.4	15,497	279.3	1,223	32.4	8.0%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	29.5	0.00%	1.9	118,000	144.5	1,174	25.1	0.8%		
EIB	Ngân hàng	26.6	-2.56%	0.9	50,852	790.9	1,856	14.7	5.1%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	34.2	-0.29%	1.0	102,464	123.6	3,324	10.3	0.9%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.1	1.69%	0.0	25,392	33.9	2,239	6.6	2.0%		
OCB	Ngân hàng	13.3	3.10%	1.0	31,809	140.3	1,189	10.9	19.8%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.5	2.80%	1.5	7,184	433.9	1,122	14.3	6.6%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	22.4	-3.24%	1.4	6,164	211.0	1,871	12.4	2.5%	16.8%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.0	0.43%	0.7	10,580	173.4	1,921	18.1	3.9%	15.0%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.6	0.53%	1.0	60,729	101.3	3,185	14.9	58.9%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	56.0	2.38%	1.2	12,278	79.7	5,567	9.8	20.0%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	142.6	-0.49%	0.8	11,731	14.1	13,894	10.3	85.9%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	79.2	0.64%	1.2	7,983	82.9	3,234	24.3	48.0%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	93.1	-2.00%	1.2	10,867	78.6	4,928	19.3	8.8%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.3	-1.88%	1.3	4,551	113.7	2,336	19.3	4.6%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.5	-0.80%	1.6	6,243	193.1	1,024	12.3	10.5%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	24.3	-0.61%	1.2	8,726	190.4	1,237	19.7	14.8%	7.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	25.4	3.04%	1.5	15,935	414.9	915	27.0	9.3%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	60.8	6.67%	1.4	25,556	215.7	3,343	17.1	5.4%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_ Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_ Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
3	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_ Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_ Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
8	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
9	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
10	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
22	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>